

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT
Về Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015,
có xét đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Điện lực năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc ban hành quy định nội dung, trình tự thủ tục lập và thẩm định quy hoạch phát triển điện lực;

Sau khi xem xét Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của UBND tỉnh về việc thông qua Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020 với những nội dung cơ bản như sau:

1. Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2015 với tổng sản lượng thương phẩm đến năm 2015 đạt khoảng 819,77 triệu kwh; giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 1.443,58 triệu kwh.

- Ưu tiên phát triển các nguồn điện năng lượng tái tạo, tăng công suất nguồn phát trên địa bàn tỉnh, để đến năm 2015 tổng công suất nguồn phát trên địa bàn tỉnh đạt 409MW; đến năm 2020 đạt 477,2MW.

2. Về thiết kế sơ đồ lưới

2.1. Quan điểm thiết kế:

- Lưới điện 220kV-110kV được thiết kế mạch vòng hoặc mạch kép, mỗi trạm biến áp được cấp điện từ 2 đường dây đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng điện năng trong chế độ làm việc bình thường và sự cố đơn lẻ theo các quy định hiện hành, ngoài ra còn phải có độ dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp, tiến đến đạt tiêu chuẩn lưới n-1.

- Đường dây 220kV-110kV ưu tiên sử dụng loại cột nhiều mạch để giảm hành lang tuyến. Tiết diện dây 220kV $\geq 400\text{mm}^2$, dây phân pha $\geq 300\text{mm}^2$, có dự phòng cho phát triển giai đoạn sau. Đường dây 110kV tiết diện $\geq 185\text{mm}^2$.

- Lưới điện trung áp được thiết kế mạch vòng vận hành hở đối với khu vực thành phố, khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị. Lưới khu vực nông thôn được thiết kế hình tia, vận hành theo tiêu chuẩn cấp điện áp 22kV, kết cấu lưới phải đảm bảo theo các tiêu chuẩn hiện hành, khả năng mang tải có tính dự phòng và liên lạc hỗ trợ cao để cấp điện liên tục khi hệ thống có sự cố.

- Máy biến áp chọn loại có công suất phù hợp với nhu cầu phụ tải từng vùng, đảm bảo khả năng mang tải lớn nhất bằng 75% công suất định mức để có dự phòng công suất khi sự cố hoặc sửa chữa.

2.2. Phân vùng phụ tải:

+ Vùng I: Gồm phụ tải tiêu thụ điện thị xã Sông Cầu, huyện Đồng Xuân, huyện Tuy An.

+ Vùng II: Gồm phụ tải tiêu thụ điện thành phố Tuy Hòa, huyện Phú Hòa, huyện Đông Hòa và huyện Tây Hòa.

+ Vùng III: Gồm phụ tải tiêu thụ điện huyện Sơn Hòa, huyện Sông Hinh và có định hướng đến khu hành chính mới Vân Hòa.

3. Khối lượng thực hiện

Khối lượng xây dựng các hạng mục công trình đường dây và trạm biến áp toàn tỉnh đến năm 2015 là:

- Phần trạm biến áp:

+ Cải tạo nâng công suất trạm 220kV: 01trạm/125MVA.

+ Xây dựng mới trạm 110kV: 05trạm/102MVA.

+ Cải tạo nâng công suất trạm 110kV: 03 trạm/90MVA.

+ Xây dựng mới trạm biến áp trung áp (22kV): 474 trạm/119,750MVA.

+ Cải tạo trạm biến áp trung áp (22 kV): 83 trạm/16,525MVA.

- Phần đường dây:

- + Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch 2): 129 km.
- + Xây dựng mới đường dây 110kV: 134 km.
- + Xây dựng mới đường dây trung áp (22kV): 342 km.
- + Cải tạo đường dây trung áp (22kV): 139,5 km.
- + Xây dựng mới đường dây hạ áp: 350 km.
- + Cải tạo đường dây hạ áp: 300 km.

(Danh mục đầu tư chi tiết có phụ lục kèm theo)

4. Về vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư đến năm 2015: 1.841,8 tỷ đồng.

Trong đó:

- + Lưới điện 220kV: 488,1 tỷ đồng.
- + Lưới điện 110kV: 572,5 tỷ đồng.
- + Lưới phân phối trung áp: 533,9 tỷ đồng.
- + Lưới phân phối hạ áp: 247,4 tỷ đồng.

Phân loại nguồn vốn đầu tư:

- + Vốn ngành điện: 1.437,3 tỷ đồng.
- + Vốn khách hàng: 404,5 tỷ đồng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được HĐND tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương hoàn tất các thủ tục để tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Công Thương phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 12/7/2012./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

PHỤ LỤC

**Danh mục các công trình đường dây trạm biến áp
dự kiến xây dựng giai đoạn 2011-2015**
(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 12/7/2012
của HĐND tỉnh Phú Yên)

Bảng 1.1 Danh mục các công trình trạm biến áp 110-220kV dự kiến xây dựng giai đoạn 2011-2015

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)		Thời điểm vận hành
		Hiện có	XDM hoặc cải tạo	
I	Lưới điện 220 kV			
1	Nâng công suất trạm 220 kV	1x125	2x125	2015
II	Lưới điện 110kV			
1	Trạm nối cấp Tuy Hòa		1x25	2014
2	Trạm Đồng Xuân		1x16	2013
3	Trạm Sông Hinh		1x16	2015
4	Trạm Khu công nghiệp lọc dầu		1x25	2015
5	Trạm gom các thủy điện (La Hiêng 2)		1x16	2012
6	Trạm Sông Cầu	1x16	16+25	2013
7	Trạm Tuy Hòa	2x25	25+40	2014
8	Trạm Hòa Hiệp	1x25	2x25	2015
III	Trạm phân phối 22/0,4kV			
1	Xây dựng mới 474 trạm		119,75	2011-2015
2	Cải tạo 83 trạm		16,525	2011-2015

Bảng 1.2 Danh mục các đường dây 110kV-220kV dự kiến xây dựng giai đoạn 2011-2015

TT	Tên công trình	Tiết diện (mm ²)	Quy mô		Thời điểm vận hành
			Số mạch	Chiều dài (km)	
I	Đường dây 220 kV				
1	Đường dây mạch 2 Tuy Hòa - Nha Trang				2015
II	Đường dây 110kV				
1	Đường dây La Hiêng 2 - Sông Cầu	AC - 185	1	40	2013
2	Đường dây vào Trạm Đồng Xuân	AC - 185	1	15	2013
3	Đường dây nhiệt điện Đồng phát-Trạm Sơn Hòa	AC - 185	1	3	2015

4	Đường dây Sông Hình - TĐ Sông Hình	AC - 185	1	17	2015
5	Đường dây Tuy Hòa - Tuy Hòa 2	AC - 240	2	12	2015
6	Đường dây Tuy Hòa 2 - rẽ Hàm Đèo Cả	AC - 240	2	28	2015
7	Đường dây Tuy Hòa 2 - Vạn Giã-rẽ hàm Đèo Cả	AC - 185	2	4	2015
8	Đường dây Tuy Hòa 2 - Lộ dầu	AC - 240	2	15	2015
III	Đường dây trung áp 22kV				
1	Xây dựng mới	AC- 50;70;95;120	1	324	2011- 2015
2	Cải tạo	AC- 50;70;95;120	1	139,5	2011- 2015